

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm
năm học 2020 - 2021

BẠC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số											
I	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</i>	242	11	60	171							
1	Khối ngành I											
2	Khối ngành II											
3	Khối ngành III											
4	Khối ngành IV											
4.1	Sinh lý học người và động vật	7	0	4	3							
4.2	Vì sinh vật học	5	0	2	3							
4.3	Sinh lý học thực vật	5	0	2	3							
4.4	Hoá sinh học	7	0	1	6							
4.5	Sinh thái học	8	0	1	7							
4.6	Di truyền học	6	0	1	5							
4.7	Công nghệ sinh học	12	1	3	8							
4.8	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	5	1	0	4							
4.9	Vật lý chất rắn	5	0	1	4							
4.10	Vật lý vô tuyến và điện tử	9	1	1	7							
4.11	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	9	1	4	4							
4.12	Quang học	10	0	3	7							
4.13	Vật lý địa cầu	7	0	2	5							
4.14	Hoá hữu cơ	16	1	5	10							
4.15	Hoá phân tích	8	1	4	3							
4.16	Hoá lý thuyết và hoá lí	11	0	5	6							
4.17	Khoa học vật liệu	13	1	4	8							
4.18	Địa chất học	9	0	2	7							
4.19	Môi trường đất và nước	9	0	2	7							
5	Khối ngành V											
5.1	Toán giải tích	7	1	2	4							
5.2	Đại số và lý thuyết số	10	1	1	8							
5.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	6	1	0	5							
5.4	Cơ sở toán học cho tin học	5	0	1	4							
5.5	Toán ứng dụng	8	0	1	7							
5.6	Khoa học máy tính	28	1	5	22							
5.7	Hệ thống thông tin	6	0	1	5							
6	Khối ngành VI											
7	Khối ngành VII											
7.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	11	0	2	9							

II	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ</i>	242	11	60	171								
1	Khối ngành I												
2	Khối ngành II												
3	Khối ngành III												
4	Khối ngành IV												
4.1	Vi sinh vật học	5	0	2	3								
4.2	Sinh học thực nghiệm	16	0	7	9								
4.3	Hoá sinh học	7	0	1	6								
4.4	Sinh thái học	5	0	1	4								
4.5	Di truyền học	6	0	1	5								
4.6	Công nghệ sinh học	11	1	2	8								
4.7	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	5	1	0	4								
4.8	Vật lý vô tuyến và điện tử	5	0	0	5								
4.9	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	5	1	3	1								
4.10	Quang học	6	0	3	3								
4.11	Vật lý địa cầu	5	0	1	4								
4.12	Hoá học	30	2	11	17								
4.13	Hoá vô cơ	0	0	0	0								
4.14	Hoá hữu cơ	5	0	3	2								
4.15	Hoá phân tích	0	0	0	0								
4.16	Hoá lí thuyết và hoá lí	0	0	0	0								
4.17	Khoa học vật liệu	11	1	4	6								
4.18	Địa chất học	5	0	2	3								
4.19	Khí tượng và khí hậu học	5	0	1	4								
4.20	Hải dương học	0	0	0	0								
4.21	Khoa học môi trường	9	0	2	7								
5	Khối ngành V												
5.1	Toán giải tích	5	1	1	3								
5.2	Đại số và lí thuyết số	7	1	1	5								
5.3	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	5	1	0	4								
5.4	Cơ sở toán học cho tin học	11	0	3	8								
5.5	Toán ứng dụng	13	0	2	11								
5.6	Khoa học máy tính	23	1	3	19								
5.7	Hệ thống thông tin	6	0	1	5								
5.8	Kỹ thuật điện tử	6	1	0	5								
5.9	Vật lý kỹ thuật	9	0	3	6								
5.10	Kỹ thuật địa chất	5	0	0	5								
6	Khối ngành VI												
7	Khối ngành VII												
7.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	11	0	2	9								

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
A	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</i>					
	Khối ngành V					
1	Trần Linh Thước	06/10/1960	Nam	GS	TS	Công nghệ sinh học
2	Quách Ngô Diễm Phương	01/10/1980	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
3	Đặng Thị Phương Thảo	08/07/1976	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
4	Nguyễn Trí Nhân	29/08/1982	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
5	Bùi Lan Anh	10/02/1982	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
6	Trần Trung Hiếu	11/11/1969	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
7	Nguyễn Thị Mỹ Lan	16/06/1976	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
8	Trần Nguyên Vũ	28/07/1978	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
9	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	26/04/1986	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
10	Lương Thị Mỹ Ngân	19/01/1971	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
11	Nguyễn Hữu Hoàng	11/10/1985	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
12	Trần Văn Hiếu	26/07/1981	Nam	PGS	TS	Công nghệ sinh học
13	Hồ Huỳnh Thùy Dương	19/10/1959	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
14	Phạm Quốc An	17/10/1989	Nam		TS	Di truyền học
15	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/06/1987	Nữ	GV	TS	Di truyền học
16	Nguyễn Thụy Vy	01/08/1983	Nữ	GV	TS	Di truyền học
17	Nguyễn Hoàng Chương	18/07/1977	Nam	GV	TS	Di truyền học
18	Đặng Thị Tùng Loan	19/02/1985	Nữ	GV	TS	Di truyền học
19	Hà Quang Hải	25/12/1954	Nam	PGS	TS	Địa chất học
20	Phạm Trung Hiếu	19/04/1978	Nam	PGS	TS	Địa chất học
21	Nguyễn Kim Hoàng	31/01/1957	Nam	GVC	TS	Địa chất học
22	Trần Thị Hoàng Hà	17/05/1981	Nữ	GV	TS	Địa chất học
23	Lê Đức Phúc	02/06/1957	Nam	GVC	TS	Địa chất học
24	Nguyễn Đình Thanh	15/11/1986	Nam	GV	TS	Địa chất học
25	Trương Minh Hoàng	27/01/1970	Nam	GVC	TS	Địa chất học
26	Nguyễn Thị Tổ Ngân	14/09/1976	Nữ	GV	TS	Địa chất học
27	Ngô Minh Thiện	15/09/1981	Nam	GV	TS	Địa chất học
28	Nguyễn Diệu Liên Hoa	20/10/1957	Nữ	GS	TS	Hoá hữu cơ
29	Trần Lê Quan	01/07/1970	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
30	Trần Hoàng Phương	15/09/1984	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
31	Ngô Thị Thùy Dương	23/05/1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
32	Nguyễn Thị Thảo Trân	25/04/1978	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
33	Huỳnh Ngọc Vinh	09/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
34	Trần Ngọc Mai	20/04/1987	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
35	Nguyễn Trí Hiếu	21/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
36	Nguyễn Thị Ý Nhi	14/05/1975	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
37	Nguyễn Tấn Tài	21/06/1985	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
38	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/01/1979	Nữ	GVTH	TS	Hoá hữu cơ

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
39	Nguyễn Trung Nhân	21/06/1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
40	Tôn Thất Quang	13/07/1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
41	Lưu Thị Xuân Thi	30/09/1973	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
42	Đoàn Ngọc Nhuận	15/04/1977	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
43	Trần Thu Phương	14/10/1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
44	Nguyễn Thái Hoàng	23/10/1974	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
45	Hoàng Ngọc Cường	15/03/1968	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
46	Phạm Trần Nguyên Nguyên	11/05/1972	Nữ	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
47	Trần Văn Mẫn	13/06/1976	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
48	Nguyễn Ánh Mai	06/02/1960	Nữ	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
49	Nguyễn Bình Phương Nhân	24/10/1984	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
50	Huỳnh Lê Thanh Nguyên	27/11/1987	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
51	Cô Thanh Thiện	11/01/1975	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
52	Nguyễn Ngọc Ân	21/03/1983	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
53	Nguyễn Công Trách	09/03/1976	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
54	Nguyễn Thị Diễm Hương	05/08/1988	Nữ	TrG	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
55	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/12/1974	Nữ	GS	TS	Hoá phân tích
56	Nguyễn Tuyết Phương	20/08/1981	Nữ	PGS	TS	Hoá phân tích
57	Nguyễn Văn Đông	20/12/1971	Nam	PGS	TS	Hoá phân tích
58	Lê Tiến Khoa	08/12/1986	Nam	PGS	TS	Hoá phân tích
59	Huỳnh Thị Kiều Xuân	28/10/1963	Nữ	PGS	TS	Hoá phân tích
60	Trịnh Thị Diệu Bình	09/04/1983	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
61	Huỳnh Tấn Vũ	28/08/1989	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
62	Trương Thị Huỳnh Hoa	18/01/1964	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
63	Ngô Đại Nghiệp	10/10/1975	Nam	PGS	TS	Hoá sinh học
64	Nguyễn Dương Tâm Anh	06/09/1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
65	Nguyễn Thị Hồng Thương	16/05/1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
66	Nguyễn Thị Lan Thi	10/10/1972	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
67	Trần Quốc Tuấn	02/04/1981	Nam	NCV	TS	Hoá sinh học
68	Vũ Thị Bạch Phương	06/02/1988	Nữ	NCV	TS	Hoá sinh học
69	Phạm Quỳnh Hương	11/11/1981	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
70	Đặng Vinh Quang	28/10/1984	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
71	Lê Văn Hiếu	19/11/1957	Nam	GS	TS	Khoa học vật liệu
72	Trần Thị Thanh Vân	15/06/1980	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
73	Trần Duy Tập	09/03/1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
74	Hà Thúc Chi Nhân	13/06/1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
75	Hoàng Thị Đông Quý	28/12/1978	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
76	Trần Thị Như Hoa	26/08/1989	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
77	Lê Viết Hải	12/05/1978	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
78	Phạm Kim Ngọc	04/04/1982	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
79	Đỗ Thị Vi Vi	04/07/1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79

22

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
80	Nguyễn Thái Ngọc Uyên	16/10/1979	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
81	Trần Công Khánh	20/06/1987	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
82	Nguyễn Phước Trung Hòa	15/03/1984	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
83	Tô Thị Hiền	30/12/1972	Nữ	PGS	TS	Môi trường đất và nước
84	Vũ Văn Nghị	26/02/1974	Nam	PGS	TS	Môi trường đất và nước
85	Lê Tự Thành	16/12/1976	Nam	GV	TS	Môi trường đất và nước
86	Nguyễn Thanh Tâm	02/09/1986	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
87	Trần Thị Thu Dung	28/11/1978	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
88	Trương Thị Cẩm Trang	06/03/1978	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
89	Nguyễn Ái Lê	22/08/1983	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
90	Lê Hoàng Anh	20/02/1982	Nam	GV	TS	Môi trường đất và nước
91	Phan Như Nguyệt	13/06/1989	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
92	Trần Cao Vinh	25/02/1972	Nam	PGS	TS	Quang học
93	Lê Vũ Tuấn Hùng	10/11/1971	Nam	PGS	TS	Quang học
94	Vũ Thị Hạnh Thu	08/05/1979	Nữ	PGS	TS	Quang học
95	Lê Trần	21/05/1970	Nam	GVC	TS	Quang học
96	Lê Văn Ngọc	25/12/1969	Nam	GVC	TS	Quang học
97	Nguyễn Thanh Lâm	19/10/1984	Nam	GV	TS	Quang học
98	Võ Thị Ngọc Thủy	21/08/1983	Nữ	GV	TS	Quang học
99	Hồ Thanh Huy	21/12/1981	Nam	GV	TS	Quang học
100	Đỗ Đức Cường	05/08/1980	Nam	GV	TS	Quang học
101	Phan Trung Vĩnh	03/11/1986	Nam	GV	TS	Quang học
102	Nguyễn Thị Huệ	11/04/1972	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật
103	Trần Lê Bảo Hà	08/09/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật
104	Phạm Văn Phúc	23/08/1982	Nam	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật
105	Trương Hải Nhung	02/07/1985	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật
106	Trần Bích Thư	06/12/1980	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
107	Võ Thị Phi Giao	16/06/1975	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
108	Vũ Bích Ngọc	02/03/1986	Nữ	NCV	TS	Sinh lý học người và động vật
109	Trần Thanh Hương	16/05/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học thực vật
110	Nguyễn Du Sanh	16/06/1955	Nam	PGS	TS	Sinh lý học thực vật
111	Trần Thị Thanh Hiền	02/01/1980	Nữ	GV	TS	Sinh lý học thực vật
112	Đỗ Thường Kiệt	25/06/1983	Nam	GV	TS	Sinh lý học thực vật
113	Trịnh Cẩm Tú	05/03/1979	Nữ	GV	TS	Sinh lý học thực vật
114	Đặng Lê Anh Tuấn	03/02/1981	Nam	GV	TS	Sinh thái học
115	Nguyễn Thị Gia Hằng	04/09/1981	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
116	Lê Xuân Thuyền	29/04/1958	Nam	GV	TS	Sinh thái học
117	Hoàng Đức Huy	21/12/1972	Nam	PGS	TS	Sinh thái học
118	Nguyễn Thị Kim Dung	11/12/1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
119	Trần Thị Anh Đào	13/03/1974	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
120	Nguyễn Phi Ngà	29/12/1974	Nam	GV	TS	Sinh thái học

TP.5
G
C
HOC
HIEN

2

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
121	Lưu Thị Thanh Nhân	06/07/1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
122	Võ Hồng Hải	24/08/1975	Nam	GV	TS	Vật lý chất rắn
123	Nguyễn Chí Linh	17/02/1982	Nam	GV	TS	Vật lý chất rắn
124	Trần Quang Trung	06/01/1967	Nam	PGS	TS	Vật lý chất rắn
125	Lê Thụy Thanh Giang	13/02/1981	Nữ	GV	TS	Vật lý chất rắn
126	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	21/07/1977	Nam	GV	TS	Vật lý chất rắn
127	Võ Lương Hồng Phước	12/04/1973	Nữ	PGS	TS	Vật lý địa cầu
128	Nguyễn Công Thành	04/10/1974	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
129	Đặng Trường An	28/02/1978	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
130	Bùi Thị Ngọc Oanh	09/03/1986	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
131	Nguyễn Thành Vắn	15/06/1954	Nam	PGS	TS	Vật lý địa cầu
132	Lê Văn Anh Cường	27/08/1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
133	Đặng Hoài Trung	07/08/1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
134	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/1954	Nam	GS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
135	Nguyễn Hữu Nhã	09/10/1980	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
136	Vũ Quang Tuyên	05/07/1968	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
137	Võ Quốc Phong	17/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
138	Trương Bá Hà	14/11/1963	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
139	Trần Nhân Giang	25/04/1988	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
140	Phan Lê Hoàng Sang	02/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
141	Châu Văn Tạo	01/06/1961	Nam	GS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
142	Trần Thiện Thanh	28/05/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
143	Lê Công Hào	09/06/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
144	Trương Thị Hồng Loan	18/10/1962	Nữ	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
145	Hoàng Thị Kiều Trang	01/12/1976	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
146	Trịnh Hoa Lãng	28/11/1979	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
147	Huỳnh Trúc Phương	07/01/1971	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
148	Nguyễn Chí Nhân	11/04/1977	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
149	Nguyễn Anh Huy	05/01/1985	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
150	Đinh Sỹ Hiền	25/12/1952	Nam	GS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
151	Đặng Lê Khoa	01/03/1983	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
152	Lê Đức Hùng	27/10/1979	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
153	Bùi Trọng Tú	28/09/1975	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
154	Huỳnh Hữu Thuận	09/12/1975	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
155	Nguyễn Xuân Vinh	11/02/1977	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
156	Huỳnh Văn Tuấn	08/05/1979	Nam	PGS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
157	Phan Thị Phượng Trang	22/09/1977	Nữ	PGS	TS	Vi sinh vật học
158	Nguyễn Đức Hoàng	05/06/1976	Nam	PGS	TS	Vi sinh vật học
159	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	17/02/1985	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
160	Nguyễn Xuân Minh Ái	05/09/1982	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
161	Trần Ngọc Diễm My	22/10/1981	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học



Handwritten signature

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
	Khối ngành V					
1	Đinh Ngọc Thanh	13/10/1955	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
2	Lê Văn Luyện	02/06/1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
3	Trần Anh Tuấn	26/10/1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
4	Bùi Lê Trọng Thanh	20/12/1987	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
5	Nguyễn Thanh Bình	23/12/1986	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
6	Bùi Xuân Hải	27/11/1953	Nam	GS	TS	Đại số và lí thuyết số
7	Mai Hoàng Biên	15/02/1982	Nam	PGS	TS	Đại số và lí thuyết số
8	Trần Ngọc Hội	02/01/1961	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
9	Lê Văn Hợp	13/06/1960	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
10	Nguyễn Văn Thìn	08/07/1964	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
11	Bùi Anh Tuấn	01/12/1984	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
12	Trịnh Thanh Đèo	15/07/1975	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
13	Nguyễn Việt Đông	12/12/1957	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
14	Trần Nam Dũng	03/08/1966	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
15	Nguyễn Kim Ngọc	14/07/1986	Nữ	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
16	Hồ Bảo Quốc	01/07/1965	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
17	Lê Thị Nhân	09/03/1978	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
18	Nguyễn Trần Minh Thư	13/09/1979	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
19	Thái Lê Vinh	06/02/1987	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
20	Phạm Nguyễn Cương	07/04/1972	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
21	Phạm Thị Bạch Huệ	06/07/1976	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
22	Trần Minh Triết	19/08/1979	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
23	Nguyễn Đình Thúc	20/03/1967	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
24	Châu Thành Đức	20/10/1985	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
25	Nguyễn Hải Quân	15/10/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
26	Trần Thái Sơn	12/12/1975	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
27	Lê Hoài Bắc	21/03/1963	Nam	GS	TS	Khoa học máy tính
28	Lý Quốc Ngọc	01/09/1964	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
29	Lê Hoàng Thái	11/08/1972	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
30	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	25/06/1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
31	Nguyễn Hải Minh	14/07/1985	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
32	Nguyễn Trường Sơn	26/10/1984	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
33	Nguyễn Ngọc Thảo	26/10/1984	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
34	Ngô Minh Nhật	27/08/1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
35	Nguyễn Văn Vũ	04/05/1977	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
36	Ngô Huy Biên	21/10/1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
37	Trương Toàn Thịnh	29/09/1986	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
38	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01/08/1982	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
39	Nguyễn Tiến Huy	14/12/1988	Nam	TrG	TS	Khoa học máy tính
40	Võ Hoài Việt	16/01/1987	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính

H. 9/1/2019

Handwritten mark

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
41	Lâm Quang Vũ	03/02/1979	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
42	Nguyễn Thanh Phương	19/09/1972	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
43	Đinh Bá Tiến	08/12/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
44	Bùi Văn Thạch	20/05/1990	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
45	Vũ Thị Mỹ Hằng	03/09/1986	Nữ	NCV	TS	Khoa học máy tính
46	Lê Nguyễn Hoài Nam	03/06/1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
47	Đinh Điền	18/01/1966	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
48	Trần Trung Dũng	26/11/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
49	Bùi Tiến Lên	05/02/1974	Nam	GVC	TS	Khoa học máy tính
50	Hoàng Văn Hà	10/09/1983	Nam	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
51	Đặng Đức Trọng	15/12/1964	Nam	GS	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
52	Lê Thị Xuân Mai	30/10/1980	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
53	Vũ Đỗ Huy Cường	28/11/1984	Nam	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
54	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	21/01/1980	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
55	Tạ Thị Nguyệt Nga	24/10/1988	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
56	Dương Minh Đức	17/07/1951	Nam	GS	TS	Toán giải tích
57	Lý Kim Hà	25/07/1988	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
58	Nguyễn Thành Long	03/06/1956	Nam	GVC	TS	Toán giải tích
59	Ông Thanh Hải	31/03/1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
60	Huỳnh Quang Vũ	10/09/1975	Nam	GV	TS	Toán giải tích
61	Nguyễn Huy Tuấn	26/11/1983	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
62	Lê Bá Khánh Trình	19/05/1962	Nam	GVC	TS	Toán giải tích
63	Nguyễn Lê Hoàng Anh	12/07/1985	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
64	Trịnh Anh Ngọc	24/05/1960	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
65	Bùi Xuân Thắng	30/01/1985	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
66	Nguyễn Anh Thi	16/05/1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
67	Nguyễn Thị Thu Vân	14/10/1977	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
68	Lê Ánh Hạ	04/04/1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
69	Nguyễn Khánh Tùng	25/11/1988	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
70	Võ Sĩ Trọng Long	13/08/1980	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
Khối ngành VII						
1	Trương Thanh Cảnh	20/08/1955	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
2	Đào Nguyên Khôi	02/09/1985	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
3	Nguyễn Thị Thanh Huệ	05/05/1984	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
4	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	25/04/1980	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
5	Nguyễn Bích Ngọc	15/04/1981	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
6	Trần Thị Mai Phương	10/05/1971	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
7	Trần Tuấn Tú	18/03/1969	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
8	Lê Ngọc Tuấn	17/10/1982	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
9	Trần Bích Châu	05/08/1977	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

7

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
10	Nguyễn Thị Thụy Hằng	25/02/1985	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
11	Bùi Việt Hưng	01/06/1972	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
B	<i>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ Thạc sĩ</i>					
	Khối ngành IV					
1	Trần Linh Thuộc	06/10/1960	Nam	GS	TS	Công nghệ sinh học
2	Quách Ngô Diễm Phương	01/10/1980	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
3	Đặng Thị Phương Thảo	08/07/1976	Nữ	PGS	TS	Công nghệ sinh học
4	Nguyễn Trí Nhân	29/08/1982	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
5	Bùi Lan Anh	10/02/1982	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
6	Trần Trung Hiếu	11/11/1969	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
7	Nguyễn Thị Mỹ Lan	16/06/1976	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
8	Trần Nguyên Vũ	28/07/1978	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
9	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	26/04/1986	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
10	Lương Thị Mỹ Ngân	19/01/1971	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
11	Nguyễn Hữu Hoàng	11/10/1985	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
12	Hồ Huỳnh Thùy Dương	19/10/1959	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
13	Phạm Quốc An	17/10/1989	Nam		TS	Di truyền học
14	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/06/1987	Nữ	GV	TS	Di truyền học
15	Nguyễn Thụy Vy	01/08/1983	Nữ	GV	TS	Di truyền học
16	Nguyễn Hoàng Chương	18/07/1977	Nam	GV	TS	Di truyền học
17	Đặng Thị Tùng Loan	19/02/1985	Nữ	GV	TS	Di truyền học
18	Hà Quang Hải	25/12/1954	Nam	PGS	TS	Địa chất học
19	Phạm Trung Hiếu	19/04/1978	Nam	PGS	TS	Địa chất học
20	Nguyễn Kim Hoàng	31/01/1957	Nam	GVC	TS	Địa chất học
21	Trần Thị Hoàng Hà	17/05/1981	Nữ	GV	TS	Địa chất học
22	Lê Đức Phúc	02/06/1957	Nam	GVC	TS	Địa chất học
23	Nguyễn Diệu Liên Hoa	20/10/1957	Nữ	GS	TS	Hoá học
24	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/12/1974	Nữ	GS	TS	Hoá học
25	Trần Lê Quan	01/07/1970	Nam	PGS	TS	Hoá học
26	Trần Hoàng Phương	15/09/1984	Nam	PGS	TS	Hoá học
27	Nguyễn Thái Hoàng	23/10/1974	Nam	PGS	TS	Hoá học
28	Hoàng Ngọc Cường	15/03/1968	Nam	PGS	TS	Hoá học
29	Phạm Trần Nguyên Nguyên	11/05/1972	Nữ	PGS	TS	Hoá học
30	Trần Văn Mẫn	13/06/1976	Nam	PGS	TS	Hoá học
31	Nguyễn Tuyết Phương	20/08/1981	Nữ	PGS	TS	Hoá học
32	Nguyễn Ánh Mai	06/02/1960	Nữ	PGS	TS	Hoá học
33	Nguyễn Văn Đông	20/12/1971	Nam	PGS	TS	Hoá học
34	Lê Tiến Khoa	08/12/1986	Nam	PGS	TS	Hoá học
35	Huỳnh Thị Kiều Xuân	28/10/1963	Nữ	PGS	TS	Hoá học
36	Ngô Thị Thùy Dương	23/05/1983	Nữ	GV	TS	Hoá học

TP
AG
OC
HC
HIỆ

2

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
37	Nguyễn Thị Thảo Trân	25/04/1978	Nữ	GV	TS	Hoá học
38	Huỳnh Ngọc Vinh	09/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá học
39	Trần Ngọc Mai	20/04/1987	Nữ	GV	TS	Hoá học
40	Nguyễn Trí Hiếu	21/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá học
41	Nguyễn Thị Ý Nhi	14/05/1975	Nữ	GV	TS	Hoá học
42	Nguyễn Tấn Tài	21/06/1985	Nam	GV	TS	Hoá học
43	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/01/1979	Nữ	GVTH	TS	Hoá học
44	Nguyễn Bình Phương Nhân	24/10/1984	Nam	GV	TS	Hoá học
45	Huỳnh Lê Thanh Nguyên	27/11/1987	Nam	GV	TS	Hoá học
46	Cô Thanh Thiện	11/01/1975	Nam	GV	TS	Hoá học
47	Nguyễn Ngọc Ân	21/03/1983	Nam	GV	TS	Hoá học
48	Nguyễn Công Tránh	09/03/1976	Nam	GV	TS	Hoá học
49	Nguyễn Thị Diễm Hương	05/08/1988	Nữ	TrG	TS	Hoá học
50	Trịnh Thị Diệu Bình	09/04/1983	Nữ	GV	TS	Hoá học
51	Huỳnh Tấn Vũ	28/08/1989	Nam	GV	TS	Hoá học
52	Trương Thị Huỳnh Hoa	18/01/1964	Nữ	GV	TS	Hoá học
53	Nguyễn Trung Nhân	21/06/1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
54	Tôn Thất Quang	13/07/1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
55	Lưu Thị Xuân Thi	30/09/1973	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
56	Đoàn Ngọc Nhuận	15/04/1977	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
57	Trần Thu Phương	14/10/1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
58	Ngô Đại Nghiệp	10/10/1975	Nam	PGS	TS	Hoá sinh học
59	Nguyễn Dương Tâm Anh	06/09/1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
60	Nguyễn Thị Hồng Thương	16/05/1979	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
61	Nguyễn Thị Lan Thi	10/10/1972	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
62	Trần Quốc Tuấn	02/04/1981	Nam	NCV	TS	Hoá sinh học
63	Vũ Thị Bạch Phượng	06/02/1988	Nữ	NCV	TS	Hoá sinh học
64	Phạm Quỳnh Hương	11/11/1981	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
65	Vô Lương Hồng Phước	12/04/1973	Nữ	PGS	TS	Khí tượng và khí hậu học
66	Đặng Vinh Quang	28/10/1984	Nam	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
67	Nguyễn Công Thành	04/10/1974	Nam	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
68	Đặng Trường An	28/02/1978	Nam	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
69	Bùi Thị Ngọc Oanh	09/03/1986	Nữ	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
70	Tô Thị Hiền	30/12/1972	Nữ	PGS	TS	Khoa học môi trường
71	Vũ Văn Nghị	26/02/1974	Nam	PGS	TS	Khoa học môi trường
72	Lê Tự Thành	16/12/1976	Nam	GV	TS	Khoa học môi trường
73	Nguyễn Thanh Tâm	02/09/1986	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
74	Trần Thị Thu Dung	28/11/1978	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
75	Trương Thị Cẩm Trang	06/03/1978	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
76	Nguyễn Ái Lê	22/08/1983	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
77	Lê Hoàng Anh	20/02/1982	Nam	GV	TS	Khoa học môi trường

HỒ SƠ
 C
 H

22

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
78	Phan Như Nguyệt	13/06/1989	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
79	Lê Văn Hiếu	19/11/1957	Nam	GS	TS	Khoa học vật liệu
80	Trần Thị Thanh Vân	15/06/1980	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
81	Trần Duy Tập	09/03/1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
82	Hà Thúc Chí Nhân	13/06/1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
83	Hoàng Thị Đông Quý	28/12/1978	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
84	Trần Thị Như Hoa	26/08/1989	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
85	Lê Viết Hải	12/05/1978	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
86	Phạm Kim Ngọc	04/04/1982	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
87	Đỗ Thị Vi Vi	04/07/1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
88	Nguyễn Thái Ngọc Uyên	16/10/1979	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
89	Trần Công Khánh	20/06/1987	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
90	Trần Cao Vinh	25/02/1972	Nam	PGS	TS	Quang học
91	Lê Vũ Tuấn Hùng	10/11/1971	Nam	PGS	TS	Quang học
92	Vũ Thị Hạnh Thu	08/05/1979	Nữ	PGS	TS	Quang học
93	Lê Trần	21/05/1970	Nam	GVC	TS	Quang học
94	Lê Văn Ngọc	25/12/1969	Nam	GVC	TS	Quang học
95	Nguyễn Thanh Lâm	19/10/1984	Nam	GV	TS	Quang học
96	Trần Văn Hiếu	26/07/1981	Nam	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
97	Nguyễn Thị Huệ	11/04/1972	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
98	Trần Lê Bảo Hà	08/09/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
99	Phạm Văn Phúc	23/08/1982	Nam	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
100	Trương Hải Nhung	02/07/1985	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
101	Trần Bích Thư	06/12/1980	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
102	Võ Thị Phi Giao	16/06/1975	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
103	Vũ Bích Ngọc	02/03/1986	Nữ	NCV	TS	Sinh học thực nghiệm
104	Trần Thanh Hương	16/05/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
105	Nguyễn Du Sanh	16/06/1955	Nam	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
106	Trần Thị Thanh Hiền	02/01/1980	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
107	Đỗ Thường Kiệt	25/06/1983	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
108	Trịnh Cẩm Tú	05/03/1979	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
109	Đặng Lê Anh Tuấn	03/02/1981	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
110	Nguyễn Thị Gia Hằng	04/09/1981	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
111	Lê Xuân Thuyền	29/04/1958	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
112	Hoàng Đức Huy	21/12/1972	Nam	PGS	TS	Sinh thái học
113	Nguyễn Thị Kim Dung	11/12/1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
114	Trần Thị Anh Đào	13/03/1974	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
115	Nguyễn Phi Ngà	29/12/1974	Nam	GV	TS	Sinh thái học
116	Lưu Thị Thanh Nhân	06/07/1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
117	Nguyễn Thành Vấn	15/06/1954	Nam	PGS	TS	Vật lý địa cầu
118	Lê Văn Anh Cường	27/08/1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu

Học Quốc

CHỈ ĐẠO

22

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
119	Đặng Hoài Trung	07/08/1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
120	Trần Nhân Giang	25/04/1988	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
121	Phan Lê Hoàng Sang	02/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
122	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/1954	Nam	GS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
123	Nguyễn Hữu Nhã	09/10/1980	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
124	Vũ Quang Tuyên	05/07/1968	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
125	Võ Quốc Phong	17/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
126	Võ Hồng Hải	24/08/1975	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
127	Châu Văn Tạo	01/06/1961	Nam	GS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
128	Trần Thiện Thanh	28/05/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
129	Lê Công Hào	09/06/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
130	Trương Thị Hồng Loan	18/10/1962	Nữ	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
131	Hoàng Thị Kiều Trang	01/12/1976	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
132	Võ Thị Ngọc Thủy	21/08/1983	Nữ	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
133	Hồ Thanh Huy	21/12/1981	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
134	Nguyễn Chí Linh	17/02/1982	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
135	Nguyễn Chí Nhân	11/04/1977	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
136	Nguyễn Anh Huy	05/01/1985	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
137	Phan Thị Phượng Trang	22/09/1977	Nữ	PGS	TS	Vì sinh vật học
138	Nguyễn Đức Hoàng	05/06/1976	Nam	PGS	TS	Vì sinh vật học
139	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	17/02/1985	Nữ	GV	TS	Vì sinh vật học
140	Nguyễn Xuân Minh Ái	05/09/1982	Nữ	GV	TS	Vì sinh vật học
141	Trần Ngọc Diễm My	22/10/1981	Nữ	GV	TS	Vì sinh vật học
Khối ngành V						
1	Đinh Ngọc Thanh	13/10/1955	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
2	Trần Minh Triết	19/08/1979	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
3	Nguyễn Đình Thúc	20/03/1967	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
4	Lê Văn Luyện	02/06/1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
5	Trần Anh Tuấn	26/10/1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
6	Bùi Lê Trọng Thanh	20/12/1987	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
7	Nguyễn Thanh Bình	23/12/1986	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
8	Châu Thành Đức	20/10/1985	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
9	Nguyễn Hải Quân	15/10/1978	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
10	Trần Thái Sơn	12/12/1975	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
11	Hoàng Văn Hà	10/09/1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
12	Bùi Xuân Hải	27/11/1953	Nam	GS	TS	Đại số và lí thuyết số
13	Mai Hoàng Biên	15/02/1982	Nam	PGS	TS	Đại số và lí thuyết số
14	Trần Ngọc Hội	02/01/1961	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
15	Lê Văn Hợp	13/06/1960	Nam	GVC	TS	Đại số và lí thuyết số
16	Nguyễn Văn Thìn	08/07/1964	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số
17	Bùi Anh Tuấn	01/12/1984	Nam	GV	TS	Đại số và lí thuyết số

G
T
Đ
K
T

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
18	Trịnh Thanh Đèo	15/07/1975	Nam	GVC	TS	Đại số và lý thuyết số
19	Hồ Bảo Quốc	01/07/1965	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
20	Lê Thị Nhân	09/03/1978	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
21	Nguyễn Trần Minh Thư	13/09/1979	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
22	Thái Lê Vinh	06/02/1987	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
23	Phạm Nguyễn Cương	07/04/1972	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
24	Phạm Thị Bạch Huệ	06/07/1976	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
25	Lý Quốc Ngọc	01/09/1964	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
26	Lê Hoài Bắc	21/03/1963	Nam	GS	TS	Khoa học máy tính
27	Lê Hoàng Thái	11/08/1972	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
28	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	25/06/1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
29	Nguyễn Hải Minh	14/07/1985	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
30	Nguyễn Trường Sơn	26/10/1984	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
31	Nguyễn Ngọc Thảo	26/10/1984	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
32	Ngô Minh Nhựt	27/08/1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
33	Nguyễn Văn Vũ	04/05/1977	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
34	Ngô Huy Biên	21/10/1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
35	Trương Toàn Thịnh	29/09/1986	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
36	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01/08/1982	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
37	Nguyễn Tiến Huy	14/12/1988	Nam	TrG	TS	Khoa học máy tính
38	Võ Hoài Việt	16/01/1987	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
39	Lâm Quang Vũ	03/02/1979	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
40	Nguyễn Thanh Phương	19/09/1972	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
41	Đinh Bá Tiến	08/12/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
42	Bùi Văn Thạch	20/05/1990	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
43	Vũ Thị Mỹ Hằng	03/09/1986	Nữ	NCV	TS	Khoa học máy tính
44	Lê Nguyễn Hoài Nam	03/06/1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
45	Đinh Điền	18/01/1966	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
46	Trần Trung Dũng	26/11/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
47	Bùi Tiến Lên	05/02/1974	Nam	GVC	TS	Khoa học máy tính
48	Nguyễn Đình Thanh	15/11/1986	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
49	Trương Minh Hoàng	27/01/1970	Nam	GVC	TS	Kỹ thuật địa chất
50	Nguyễn Thị Tổ Ngân	14/09/1976	Nữ	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
51	Ngô Minh Thiện	15/09/1981	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
52	Nguyễn Phước Trung Hòa	15/03/1984	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
53	Đinh Sỹ Hiền	25/12/1952	Nam	GS	TS	Kỹ thuật điện tử
54	Đặng Lê Khoa	01/03/1983	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
55	Lê Đức Hùng	27/10/1979	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
56	Bùi Trọng Tú	28/09/1975	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
57	Huỳnh Hữu Thuận	09/12/1975	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
58	Nguyễn Xuân Vinh	11/02/1977	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử

A
 JON
 IHI
 OAI
 JNH
 T

27

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
59	Đặng Đức Trọng	15/12/1964	Nam	GS	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
60	Lê Thị Xuân Mai	30/10/1980	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
61	Vũ Đỗ Huy Cường	28/11/1984	Nam	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
62	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	21/01/1980	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
63	Tạ Thị Nguyệt Nga	24/10/1988	Nữ	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
64	Trương Thanh Cảnh	20/08/1955	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
65	Dương Minh Đức	17/07/1951	Nam	GS	TS	Toán giải tích
66	Lý Kim Hà	25/07/1988	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
67	Nguyễn Thành Long	03/06/1956	Nam	GVC	TS	Toán giải tích
68	Ông Thanh Hải	31/03/1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
69	Huỳnh Quang Vũ	10/09/1975	Nam	GV	TS	Toán giải tích
70	Nguyễn Huy Tuấn	26/11/1983	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
71	Nguyễn Lê Hoàng Anh	12/07/1985	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
72	Nguyễn Viết Đông	12/12/1957	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
73	Trần Nam Dũng	03/08/1966	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
74	Nguyễn Kim Ngọc	14/07/1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
75	Lê Bá Khánh Trinh	19/05/1962	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
76	Trịnh Anh Ngọc	24/05/1960	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
77	Bùi Xuân Thắng	30/01/1985	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
78	Nguyễn Anh Thi	16/05/1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
79	Nguyễn Thị Thu Vân	14/10/1977	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
80	Lê Ánh Hạ	04/04/1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
81	Nguyễn Khánh Tùng	25/11/1988	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
82	Võ Sĩ Trọng Long	13/08/1980	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
83	Trịnh Hoa Lăng	28/11/1979	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
84	Trần Quang Trung	06/01/1967	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
85	Huỳnh Văn Tuấn	08/05/1979	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
86	Huỳnh Trúc Phương	07/01/1971	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
87	Đỗ Đức Cường	05/08/1980	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
88	Phan Trung Vĩnh	03/11/1986	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
89	Lê Thụy Thanh Giang	13/02/1981	Nữ	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
90	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	21/07/1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
91	Trương Bá Hà	14/11/1963	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
Khối ngành VII						
1	Đào Nguyên Khôi	02/09/1985	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
2	Nguyễn Thị Thanh Huệ	05/05/1984	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
3	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	25/04/1980	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
4	Nguyễn Bích Ngọc	15/04/1981	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
5	Trần Thị Mai Phương	10/05/1971	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
6	Trần Tuấn Tú	18/03/1969	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA
 VIỆT NAM

(Chữ ký)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
7	Lê Ngọc Tuấn	17/10/1982	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
8	Trần Bích Châu	05/08/1977	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
9	Nguyễn Thị Thụy Hằng	25/02/1985	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
10	Bùi Việt Hưng	01/06/1972	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường

(Handwritten signature)

